

Số: 139/2026/BC-VIMCĐV

Hải Phòng, ngày 21 tháng 5 năm 2026

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư số 2482/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp, nay đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ

Loại hình tổ chức kinh tế: Công ty cổ phần

Địa chỉ trụ sở: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0201190939

Điện thoại: 0225.3681.698

Email: [vanthu@vimcdinhvu.com.vn](mailto:vanthu@vimcdinhvu.com.vn)

Vốn điều lệ: 248.000.000.000 (Hai trăm bốn mươi tám tỷ) đồng và tương đương 9.397.143 (Chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba) đô la Mỹ (tỷ giá bán ngày 20/5/2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

| STT | Tên nhà đầu tư                         | Quốc tịch | Số vốn góp      |                 | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------------------------------|-----------|-----------------|-----------------|-----------|
|     |                                        |           | VNĐ             | Tương đương USD |           |
| 1   | Công ty cổ phần vận tải Container VIMC | Việt Nam  | 126.480.000.000 | 4.792.543       | 51%       |
| 2   | Công ty cổ phần Container Việt Nam     | Việt Nam  | 89.280.000.000  | 3.382.971       | 36,00%    |
| 3   | Công ty CP Thành Đức Holding           | Việt Nam  | 29.290.040.000  | 1.109.850       | 11,81%    |
| 4   | Phạm Văn Lin                           | Việt Nam  | 30.000.000      | 1.137           | 0,012%    |
| 5   | Lê Thị Bích Hồng                       | Việt Nam  | 6.200.000       | 235             | 0,003%    |
| 6   | Nguyễn Thị Hằng Nga                    | Việt Nam  | 150.000.000     | 5.684           | 0,06%     |
| 7   | Lê Thị Năm                             | Việt Nam  | 260.000.000     | 9.852           | 0,10%     |
| 8   | Nguyễn Thị Hải                         | Việt Nam  | 50.000.000      | 1.895           | 0,02%     |
| 9   | Nguyễn Thị Hương Lan                   | Việt Nam  | 20.000.000      | 758             | 0,01%     |
| 10  | Phạm Trường Giang                      | Việt Nam  | 100.000.000     | 3.789           | 0,04%     |
| 11  | Hoàng Thị Hồng Thủy                    | Việt Nam  | 218.720.000     | 8.288           | 0,09%     |
| 12  | Bùi Hữu Đạt                            | Việt Nam  | 50.000.000      | 1.895           | 0,02%     |
| 13  | Phạm Thị Thanh Quỳnh                   | Việt Nam  | 50.960.000      | 1.931           | 0,02%     |
| 14  | Hoàng Thị Thanh Nga                    | Việt Nam  | 50.000.000      | 1.895           | 0,02%     |
| 15  | Lương Đình Minh                        | Việt Nam  | 132.000.000     | 5.002           | 0,05%     |
| 16  | Nguyễn Anh Tú                          | Việt Nam  | 19.440.000      | 737             | 0,01%     |
| 17  | Văn Trần Hoàn                          | Việt Nam  | 1.812.640.000   | 68.684          | 0,73%     |

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật:**

\*Họ tên: Đào Hồng Chương

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/11/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Mã số định danh cá nhân: 031072008854

Địa chỉ liên hệ: 18 Đường A2 Phương Lưu 6, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.

\*Họ tên: Đỗ Thị Ngọc Trang

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 24/09/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mã số định danh cá nhân: 001178013001

Địa chỉ liên hệ: 25B9, Tt ĐHSPTô 4, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

**II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

**1. Nội dung điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư:**

**a) Nội dung điều chỉnh thứ nhất**

Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư:

*Điều 1 – Khoản 5. Tổng vốn đầu tư: Tổng mức đầu tư dự án 1.490.0 tỷ đồng (Một nghìn bốn trăm chín mươi tỷ đồng), chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 tổng mức đầu tư 809.0 tỷ đồng; giai đoạn 2 tổng mức đầu tư 681,0 tỷ đồng.*

\* Nay đề nghị sửa thành:

Tổng mức đầu tư dự án 2.923 tỷ đồng (Hai nghìn chín trăm hai mươi ba tỷ đồng), chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 tổng mức đầu tư 1.800 tỷ đồng; giai đoạn 2 tổng mức đầu tư 1.123 tỷ đồng.

Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

- Dự án được lập từ năm 2014, khối lượng, giá trị của nhiều hạng mục công việc chưa thực hiện đã không còn phù hợp với thực tế. Công ty đã cập nhật lại khối lượng, giá trị các hạng mục của dự án dẫn đến việc tăng tổng mức đầu tư dự án.

**b) Nội dung điều chỉnh thứ hai:**

Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :

*Điều 1 – Khoản 6. Nguồn vốn đầu tư:*

*- Giai đoạn 1 tổng mức đầu tư 809,0 tỷ đồng gồm nguồn vốn tự có 244,0 tỷ đồng (giai đoạn 1 đã thực hiện với khối lượng khoảng 21 tỷ đồng) và vốn vay 565,0 tỷ đồng.*

*- Giai đoạn 2 tổng mức đầu tư 681,0 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn tự có và vốn vay (sau khi hoàn thành giai đoạn 1 sẽ đầu tư tiếp giai đoạn 2).*

\* Nay đề nghị sửa thành:

*- Giai đoạn 1 tổng mức đầu tư 1.800 tỷ đồng (giai đoạn I thực hiện bước 1 với giá trị 646 tỷ đồng), khối lượng còn lại (bước 2 – giai đoạn I) là 1.154 tỷ đồng gồm vốn tự có 577 tỷ đồng, vốn vay 577 tỷ đồng.*

*- Giai đoạn 2 tổng mức đầu tư 1.123 tỷ đồng gồm vốn tự có 561,5 tỷ đồng, vốn vay 561,5 tỷ đồng.*

Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn tương ứng với tổng mức đầu tư của dự án sau khi cập nhật lại khối lượng, giá trị các hạng mục của dự án.

c) Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :

*Điều 1 – Khoản 8. Tiến độ thực hiện dự án:*

- *Giai đoạn I: Quý III/2017 thực hiện xây dựng các hạng mục công trình. Dự kiến đến Quý IV/2018 có thể bắt đầu đưa vào khai thác 01 bến của dự án và tiếp tục đầu tư hoàn thiện giai đoạn I đến năm 2019 đưa vào khai thác.*

- *Giai đoạn II: Thực hiện đầu tư xây dựng từ năm 2019 đến năm 2020.*

\* Nay đề nghị sửa thành:

- *Giai đoạn I: Đến 2029 hoàn thành.*

- *Giai đoạn II: Đến 2030 hoàn thành.*

Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

Trong quá trình thực hiện dự án, có một số nguyên nhân khách quan đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện như sau:

• *Công tác xin phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu đất thực hiện Dự án:*

Trong quá trình thực hiện Dự án, do các quy định của pháp luật về xây dựng, Công ty phải thực hiện việc xin phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu đất thực hiện Dự án để có thể xây dựng các công trình nhà văn phòng, nhà phục vụ cho sản xuất. Việc phê duyệt quy hoạch 1/500 của Dự án trải qua nhiều bước thực hiện, trong đó có các bước phải xin xác nhận của các đơn vị tiếp giáp cảng, xin ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về nội dung quy hoạch. Công tác xin phê duyệt quy hoạch kéo dài khoảng 08 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 7/2019) cũng ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của Dự án.

• *Ảnh hưởng của việc thi công tuyến cống hợp thành phố:*

Ngày 20/4/2017, Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ (khi đó là Công ty cổ phần Cảng Vinalines – Đình Vũ) nhận được văn bản số 929/SGTVT-QLCT của Sở Giao thông Vận tải thành phố Hải Phòng về việc thỏa thuận hướng tuyến cống hợp ra sông Bạch Đằng tại Km2+559 thuộc Dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường trục qua khu công nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng.

Ngày 29/6/2017, Công ty đã có văn bản số 21/CV-VNLĐV chấp thuận nội dung hướng tuyến cống hợp ra sông Bạch Đằng tại Km2+559, theo đó, tuyến cống hợp nói trên đi qua khu đất xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ). Tuyến cống có các thông số thiết kế chính như sau: Kích thước mặt cắt ngang 2.5mx2.5m, móng cống bê tông xi măng đổ tại chỗ dày 40cm, bê tông lót móng dày 10cm, gia cố móng bằng cọc bê tông cốt thép 30cmx30cm, chiều dài cọc dự kiến 24m, chiều dài tuyến cống 526.7m.

Với kích thước nêu trên, tuyến cống hợp có ảnh hưởng lớn đến việc thi công xây dựng hạng mục kè sau cầu, cầu tàu thuộc bến số 1 Cảng Vinalines Đình Vũ (gói thầu 2.B1 của Dự án) do cao độ đáy cống thấp, điểm giao cắt giữa tuyến cống với kè sau cầu, cầu tàu có kết cấu phức tạp, việc thi công phụ thuộc vào mực nước thủy triều. Ngoài ra, tuyến cống còn cắt ngang qua mặt bằng thi công bãi

xếp hàng sau cầu, hệ thống điện của Cảng (các gói thầu 2.B2 và 2.B3 của Dự án), phần việc tại khu vực tuyến cống đi qua phải tạm dừng để chờ tuyến cống thi công xong.

Có ảnh hưởng lớn đến tiến độ của các gói thầu xây lắp của Dự án, tuy nhiên, việc triển khai thi công tuyến cống hợp diễn ra rất chậm. Đến hết tháng 9/2020 mới cơ bản hoàn thành việc thi công tuyến cống. Sau đó, ngày 14/7/2022, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông thành phố Hải Phòng có văn bản số 683/BQL-DA2, đề nghị thực hiện khôi phục các vị trí ga thu thăm của tuyến cống hợp trên mặt bằng của Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ. Việc này cũng ảnh hưởng đến công tác hoàn thiện các công trình của Dự án.

• *Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến tiến độ Dự án:*

Thời điểm cuối năm 2019 đến đầu năm 2020, trên thế giới bắt đầu xuất hiện dịch bệnh Covid-19.

Ngày 31/3/2020, Thủ tướng chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19. Theo đó, thực hiện cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01/4/2020 trên phạm vi toàn quốc theo nguyên tắc gia đình cách ly với gia đình, thôn bản cách ly với thôn bản, xã cách ly với xã, huyện cách ly với huyện, tỉnh cách ly với tỉnh, phân xưởng, nhà máy sản xuất phải bảo đảm khoảng cách an toàn, đeo khẩu trang, thực hiện khử trùng, diệt khuẩn theo quy định.

Sau đó, dịch bệnh covid-19 đã diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng đến các hoạt động thường ngày cũng như hoạt động sản xuất của các đơn vị, doanh nghiệp trong địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng, cả nước nói chung.

Thành phố Hải Phòng đã có nhiều biện pháp nhằm tăng cường kiểm soát dịch bệnh, áp dụng cách ly y tế đối với các cá nhân trở về từ vùng dịch, yêu cầu bảo đảm giãn cách an toàn tại nơi làm việc.

Ngày 15/7/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có Công văn số 4729/UBND-VX, theo đó, từ ngày 21/7/2021: Thực hiện cách ly tập trung 14 ngày tại khu cách ly tập trung của thành phố và cách ly tại nhà 14 ngày đối với tất cả những người về từ các tỉnh thành đang thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ.

Ngày 03/8/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có Công văn số 4729/UBND-VX, theo đó, từ ngày 05/8/2021, tạm dừng tiếp nhận công dân từ các tỉnh, thành phố, địa phương đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ.

Đến Quý I/2022, dịch bệnh Covid-19 đã cơ bản được kiểm soát, thành phố Hải Phòng dần trở lại cuộc sống bình thường mới, các biện pháp phòng, chống dịch được điều chỉnh phù hợp.

Các yêu cầu về phòng, chống dịch Covid-19, yêu cầu cách ly y tế, đảm bảo giãn cách tại nơi làm việc đã ảnh hưởng lớn đến việc huy động nhân lực tham gia thi công, huy động máy móc, vật tư dẫn đến việc tiến độ triển khai bị chậm đối các gói thầu xây lắp của dự án: Gói thầu 2.B2: Thi công bãi xếp hàng sau cầu 1 (bao



gồm hệ thống cấp, thoát nước, PCCC); 2.B3: Xây dựng hệ thống cấp điện cầu 1, sau cầu 1, điện chiếu sáng (kể cả vỏ trạm điện); 2.B4 “các công trình kiến trúc (Trạm bảo vệ, Nhà quản lý bến, Phòng khai thác, trạm bảo trì, nhà xe 2 bánh, nhà wc, tường rào tạm...)”; 2.B6/EPC “Lập quy hoạch, lập thiết kế bản vẽ thi công, thi công hạ tầng và cung cấp lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) phục vụ khai thác bến số 1”.

• *Ảnh hưởng của việc dịch chuyển lượng hàng và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc:*

- Các cảng ở khu vực Lạch Huyện đã đi vào hoạt động, thu hút các hãng tàu dịch chuyển các tuyến dịch vụ từ khu vực Đình Vũ ra khai thác ở Lạch Huyện, dẫn đến làm suy giảm sản lượng của các cảng khu Đình Vũ.

- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc cũng ảnh hưởng đến lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Chiến tranh cũng khiến cho giá trị đầu tư tăng cao so với dự án đã được duyệt, gây khó khăn cho công tác điều chỉnh để thực hiện Dự án.

### **III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện đúng các nội dung cam kết và tiến độ triển khai; trường hợp dự án không thực hiện đúng cam kết và tiến độ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có thể xem xét ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án, chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

### **V. HỒ SƠ KÈM THEO**

- Quyết định chủ trương đầu tư số 2482/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 21/2/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi đất thuê của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Phà Rừng tại phường Đông Hải 2, quận Hải An cho Công ty cổ phần Cảng Vinalines – Đình Vũ thuê thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ;

- Quyết định số 09/QĐ-HĐQT ngày 10/3/2015 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Vinalines – Đình Vũ về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ;

- Quyết định số 135/2020/QĐ-HĐQT ngày 28/7/2020 của Cảng Vinalines – Đình Vũ (nay là Cảng VIMC Đình Vũ) về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ (Bước 1 - Giai đoạn I);

- Quyết định số 107/2022/QĐ-HĐQT ngày 11/5/2022 của Cảng VIMC Đình Vũ về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ (Bước 1 - Giai đoạn I);
- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VIMC ĐÌNH VŨ  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đào Hồng Chương**

## Phụ lục I. Quy mô toàn bộ dự án

(Đính kèm văn bản đề nghị điều chỉnh Dự án đầu tư ngày 21/5/2026 của

Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ)

- Quy mô toàn bộ dự án: Toàn bộ dự án bao gồm 3 bến cho tàu 20.000DWT đến 40.000DWT giảm tải, bãi xếp container, các công trình kỹ thuật sau bến và thiết bị xếp dỡ với diện tích sử dụng khoảng 21ha. Phân chia dự án gồm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn I: bao gồm 2 bến, chia thành 2 bước:

++ Bước 1: ĐTXD bến số 1 cho tàu 20.000DWT đến 40.000DWT giảm tải (thượng lưu giáp bến số 7 Công ty CP cảng Hải Phòng), đường ô tô vào cảng, bãi xếp container, các công trình kỹ thuật sau bến và các thiết bị xếp dỡ, vận chuyển container và các thiết bị xếp dỡ, vận chuyển container.

++ Bước 2: ĐTXD bến số 2, các công trình kỹ thuật sau bến và các thiết bị xếp dỡ, vận chuyển container và các thiết bị xếp dỡ, vận chuyển container.

+ Giai đoạn II: ĐTXD bến số 3, các công trình kỹ thuật sau bến và thiết bị xếp dỡ.

Quy mô xây dựng cụ thể:

| TT | Hạng mục                | Đơn vị         | Bước 1 – giai đoạn I | TMDT bước 1 – giai đoạn I | Bước 2 – giai đoạn I | TMDT bước 2 – giai đoạn I | Giai đoạn II | TMDT giai đoạn II |
|----|-------------------------|----------------|----------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|--------------|-------------------|
| 1  | Cầu tàu (B=24m)         | m <sup>2</sup> | 5.760                | 87.161.693                | 4.320                | 115.845.240               | 5.040        | 136.080.000       |
| 1a | Kè sau cầu              | CT/md          | 1/240                | 93.537.957                | 1/200                | 148.023.035               | 1/190        | 161.500.000       |
| 2  | Kè san lấp tạo bãi      | md             | 368                  | 5.863.690                 | 565                  | 38.934.542                | 230          |                   |
| 3  | Bãi container có hàng   | m <sup>2</sup> | 82.020               | 51.797.750                | 49.785               | 74.627.715                | 32.698       | 39.237.982        |
| 4  | Bãi container lạnh      | m <sup>2</sup> |                      |                           |                      |                           |              |                   |
| 5  | Bãi container rỗng      | m <sup>2</sup> |                      |                           |                      |                           |              |                   |
| 6  | Bãi đóng rút, kiểm hóa  | m <sup>2</sup> |                      |                           |                      |                           |              |                   |
| 7  | Đường giao thông nội bộ | m <sup>2</sup> |                      |                           | 9.052                | 13.568.948                | 28.689       | 34.426.432        |

|    |                                                |                |       |             |       |             |        |             |
|----|------------------------------------------------|----------------|-------|-------------|-------|-------------|--------|-------------|
| 8  | Đường sau cảng                                 | m <sup>2</sup> |       |             | -     | -           |        |             |
| 9  | Kho hàng                                       | m <sup>2</sup> | -     | -           | -     | -           | 4.100  | 12.278.400  |
| 9a | Kho hàng<br>(LxB=42x24m)                       | m <sup>2</sup> | -     | -           | -     | -           | 1.008  | 8.568.000   |
| 9b | Bãi quanh kho                                  | m <sup>2</sup> | -     | -           | -     | -           | 3.092  | 3.710.400   |
| 10 | Trạm bảo trì                                   | m <sup>2</sup> | 233   | 1.386.028   | -     | -           | -      | -           |
| 11 | Nhà quản lý bến                                | m <sup>2</sup> | 900   | 5.598.358   | -     | -           | -      | -           |
| 12 | Phòng thủ tục                                  | m <sup>2</sup> | 153   | 1.069.145   | -     | -           | -      | -           |
| 13 | Nhà bảo vệ                                     | m <sup>2</sup> | 39    | 317.839     | -     | -           | -      | -           |
| 14 | Nhà để xe 2 bánh                               | m <sup>2</sup> | 112   | 99.282      | -     | -           | -      | -           |
| 15 | Cây xanh                                       | m <sup>2</sup> | 3.195 | 232.054     | 1.473 | 678.244     | 11.776 | 5.299.025   |
| 16 | Tường rào tạm                                  | md             | 285   | 1.334.991   | -     | -           | -      | -           |
| 17 | Tường rào xây kết hợp hoa sắt                  | md             | 473   |             | 503   | 4.112.732   | -      | -           |
| 18 | Cổng ra vào cảng                               | Ctr            | 1     | 5.848.833   | -     | -           | -      | -           |
| 19 | Mạng HTKT                                      |                |       | 52.570.765  |       | 56.075.817  |        |             |
|    | Hệ thống điện                                  | Ctr            | 1     | 28.031.958  | 1     |             | 1      |             |
|    | Hệ thống cấp nước                              | Ctr            | 1     | 1.546.297   | 1     |             | 1      |             |
|    | Hệ thống PCCC                                  | Ctr            | 1     |             | 1     |             | 1      |             |
|    | Hệ thống thoát nước                            | Ctr            | 1     | 3.040.405   | 1     |             | 1      |             |
|    | Hệ thống CNTT                                  | Ctr            | 1     | 18.883.455  | -     |             | -      |             |
|    | Trạm bơm                                       | Ctr            | 1     | 103.038     | -     |             | -      |             |
|    | Bể nước                                        | Ctr            | 1     | 514.090     | -     |             | -      |             |
|    | Đường dây cáp điện cho các công trình dân dụng | Ctr            | 1     |             | -     |             | -      |             |
| 20 | Thiết bị tuyến bến                             |                |       |             |       |             |        |             |
|    | Cầu QC                                         | Chiếc          | 01    | 143.748.000 | 02    | 287.496.000 | 02     | 289.960.000 |



|    |                    |            |    |             |    |               |    |               |
|----|--------------------|------------|----|-------------|----|---------------|----|---------------|
| 21 | Thiết bị trong bãi |            |    |             |    |               |    |               |
|    | Xe nâng RSD        | Chiếc      | 01 | 11.770.000  | 04 | 47.149.344    | 04 | 57.547.600    |
|    | Đầu kéo + Remooc   | Chiếc      | 05 | 10.595.000  | 10 | 34.012.088    | 10 | 21.190.000    |
| 22 | Tổng mức đầu tư    | 1.000 đồng |    | 645.841.229 |    | 1.154.290.673 |    | 1.122.680.562 |

17  
 T  
 10  
 VI  
 EV  
 HI



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư*

*Ngày 21 tháng 5 năm 2026)*

Kính gửi: Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng

Nhà đầu tư Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ báo cáo về tình hình hoạt động của dự án “Đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ” theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2482/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp đến ngày 21 tháng 5 năm 2026 với các nội dung cụ thể dưới đây:

**1. Tiến độ thực hiện dự án:**

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện: 451,712 tỷ đồng. Tỷ lệ giá trị giải ngân so với TMBĐT (chưa bao gồm chi phí dự phòng) là 40%. Trong đó:

- Vốn góp: 248 tỷ đồng.

- Vốn vay từ tổ chức tín dụng: 303,009 tỷ đồng.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

Năm 2017, Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ (khi đó là Công ty cổ phần Cảng Vinalines – Đình Vũ) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 31/7/2057.

Dự án đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ giai đoạn I được phân kỳ đầu tư thành 2 bước, tương ứng với việc đầu tư xây dựng bến số 1 và bến số 2 cùng hệ thống các công trình phụ trợ. Giai đoạn II của dự án là đầu tư xây dựng bến số 3.

Hiện nay đã thực hiện đầu tư xây dựng cầu tàu số 1 trong tổng số 03 cầu tàu của toàn bộ dự án. Cầu tàu số 1 đã hoàn thành công tác xây lắp và bàn giao đưa vào sử dụng, cảng đã hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ từ tháng 9/2022. Công ty đang thực hiện quyết toán các gói thầu thuộc bước 1 – giai đoạn I của Dự án.

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

**- Tiến độ giai đoạn I:**

Dự án đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ giai đoạn I được phân kỳ đầu tư thành 2 bước, tương ứng với việc đầu tư xây dựng bến số 1 và bến số 2 cùng hệ thống các công trình phụ trợ.

Các gói thầu xây lắp và các gói thầu có liên quan thuộc dự án ĐTXD cảng Vinalines Đình Vũ (bước 1 – giai đoạn I) cơ bản đã hoàn thành, Bên số 1 đã được đưa vào vận hành, khai thác từ tháng 9/2022.

+ Gói thầu xây lắp số 1.B1 (thi công san lấp) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đang thực hiện quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu xây lắp số 2.B1 (thi công cầu 1, kè sau cầu, nạo vét, san lấp sau cầu) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đang thực hiện quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu xây lắp số 2.B5 (thi công nạo vét lồi vào và vùng quay tàu) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đang thực hiện quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu xây lắp số 2.B2 (thi công bãi) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đang thực hiện quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu xây lắp số 2.B4 (thi công các công trình kiến trúc) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đã quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu xây lắp số 2.B3 (thi công hệ thống điện) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đã quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng..

+ Gói thầu xây lắp số 2.B6/EPC (hệ thống công nghệ thông tin) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đã quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu thiết bị số 2.C3 (cung cấp xe nâng hàng RSD) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đã quyết toán A-B. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu thiết bị số 2.C1 (cung cấp Đầu kéo + rơ moóc) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đã quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

+ Gói thầu thiết bị số 2.C8 (Nội thất văn phòng) hoàn thành công tác xây lắp theo hợp đồng, đã quyết toán. Khối lượng: hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng.

Đến hiện tại, bước 1 – giai đoạn I của Dự án còn gói thầu thiết bị số 2.C2 (cung cấp cầu giàn STS) chưa triển khai.

- **Tiến độ giai đoạn II:** Công ty đang thực hiện công tác thuê tư vấn đề lập dự án giai đoạn II.

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần:

Dự án đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ giai đoạn I được phân kỳ đầu tư thành 2 bước, tương ứng với việc đầu tư xây dựng bến số 1 và bến số 2 cùng hệ thống các công trình phụ trợ. Giai đoạn II của dự án là đầu tư xây dựng bến số 3 cùng các công trình phụ trợ.

**2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:**

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Không có.

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động: Cảng VIMC Đình Vũ đã được cấp các giấy chứng nhận, quyết định liên quan đến việc hoạt động của cảng như sau:

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển số 25/2121/GCN-CHHVN ngày 07/12/2021;

+ Quyết định công bố mở bến cảng VIMC Đình Vũ số 796/QĐ-CHHVN ngày 18/6/2021 của Cục Hàng hải Việt Nam;

+ Quyết định số 2105/QĐ-CHHHĐTVN ngày 10/10/2025 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc điều chỉnh Quyết định số 796/QĐ-CHHVN ngày 18/6/2021 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố mở Bến cảng VIMC Đình Vũ thành phố Hải Phòng.

**3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:**

- Doanh thu năm 2025: 203.368 triệu đồng.

- Lợi nhuận năm 2025: 646 triệu đồng.

- Số lao động sử dụng: Lao động bình quân năm 2025 là 74 người Việt Nam.

- Mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2025: 25,2 triệu đồng/người/tháng

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính: Công ty thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: Công ty nộp theo quy định.

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba, ...): Công ty hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính.

- Tình hình sử dụng năng lượng: Công ty sử dụng nguồn năng lượng từ điện, xăng, dầu diesel.



- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan: Công ty chấp hành các quy định của pháp luật.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 5 năm 2026  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VIMC ĐÌNH VŨ**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đào Hồng Chương**